

Bản án số: **93/2023/HNGĐ-ST**  
Ngày: 30-8-2023  
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Ngọc Duyên
- Ông Nguyễn Văn Bàng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trang Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 116/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* Chị Danh Thị T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1983 (có mặt);
  - Bị đơn:* Anh Mai Văn L, sinh ngày 05 tháng 05 năm 1982 (vắng mặt);
- Cùng địa chỉ: ấp ĐG, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Danh Thị T trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh Mai Văn L chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23 tháng 11 năm 2004. Chị và anh Mai Văn L có 01 người con chung tên: Mai Kim L1, sinh ngày 16/6/2002, hiện Mai Kim L1 đã trưởng thành và đang sống chung với

chị; về tài sản chung, chị và anh Mai Văn L không có tài sản chung, không tranh chấp; về nợ, chị và anh Mai Văn L không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống chị và anh Mai Văn L sống không hòa hợp, thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau, đến tháng 5/2020 anh Mai Văn L bỏ nhà theo người phụ nữ khác, chị và anh Mai Văn L đã sống ly thân 03 năm nay. Chị thấy, chị và anh Mai Văn L không còn tình cảm vợ chồng nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Mai Văn L. Về quan hệ con chung, hiện nay người con chung tên Mai Kim L1, sinh ngày 16/6/2002 đã thành niên, chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Mai Văn L không có tài sản chung, không tranh chấp, không có nợ, chị không yêu cầu giải quyết.

*\* Tại Biên bản xác minh ngày 03 tháng 3 năm 2023, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Anh Mai Văn L, cư trú tại ấp ĐG, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang, hiện nay không có mặt ở nhà và ở địa phương, không biết đi đâu, không cung cấp địa chỉ mới, về nhà không ổn định, thời gian mỗi lần về không xác định được. Trong thời gian anh Mai Văn L và chị Danh Thị T chung sống phát sinh mâu thuẫn như thế nào thì không nắm rõ. Anh Mai Văn L và chị Danh Thị T chung sống có 01 người con chung nay đã thành niên.

*\* Bị đơn anh Mai Văn L:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Mai Văn L biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Danh Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Danh Thị T nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

*\* Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Trích lục kết hôn Danh Thị T và Mai Văn L (Bản sao); Căn cước công dân tên Danh Thị T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1983 (Bản sao); Giấy chứng minh nhân dân tên Mai Văn L, sinh ngày 05 tháng 05 năm 1982 (Bản sao); Giấy khai sinh tên Mai Kim L1, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2002 (Bản sao); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 14/02/2023 của chị Danh Thị T (Bản chính); Trích lục cải chính hộ tịch số: 14/TLCCHT ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện An Biên (Bản chính); Biên bản xác minh ngày 03/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính).

*\* Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Danh Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Mai Văn L. Về quan hệ con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, chị Danh Thị T tự xác định, chị và anh Mai Văn L không có tài sản chung, chị cam kết anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Mai Văn L vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Danh Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Mai Văn L là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Danh Thị T được ly hôn với anh Mai Văn L. Về quan hệ con chung, hiện nay đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ, chị Danh Thị T tự xác định không có, không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Danh Thị T yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Mai Văn L. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp ĐG, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Mai Văn L biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Danh Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Mai Văn L vắng mặt đến lần thứ

hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Mai Văn L nhưng anh Mai Văn L vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, đồng thời tại phiên tòa chị Danh Thị T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Mai Văn L theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Danh Thị T và anh Mai Văn L chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã N, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang là nơi anh chị cư trú*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 82 ngày 08/7/2002, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Danh Thị T được ly hôn với anh Mai Văn L, thời gian chị và anh Mai Văn L chung sống không hòa hợp, thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau, đến tháng 5/2020 anh Mai Văn L bỏ nhà theo người phụ nữ khác, chị và anh Mai Văn L đã sống ly thân 03 năm nay. Chị thấy, chị và anh Mai Văn L không còn tình cảm vợ chồng nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Mai Văn L nhưng anh Mai Văn L không có ý kiến yêu cầu gì, không quan tâm đến việc chị Danh Thị T yêu cầu ly hôn với anh là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Danh Thị T cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Mai Văn L. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị Danh Thị T, cho chị Danh Thị T được ly hôn với anh Mai Văn L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Danh Thị T và anh Mai Văn L có 01 người con chung tên: Mai Kim L1, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2002, hiện nay đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Danh Thị T tự xác định, anh chị không có tài sản chung, chị Danh Thị T cam kết anh chị không có nợ người khác, người khác

không có nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Danh Thị T được ly hôn với anh Mai Văn L.

2. Về quan hệ con chung: Chị Danh Thị T và anh Mai Văn L có 01 người con chung tên: Mai Kim L1, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2002, hiện nay đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ, chị Danh Thị T tự xác định, anh chị không có tài sản chung, chị Danh Thị T cam kết anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Buộc chị Danh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003957 ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Danh Thị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 30/8/2023. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Thảo**